

Bản án số: 22/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28-4-2023
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hoàng Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Hữu Đền.
- Bà Dương Thị Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Luyến là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2023 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2023/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1985; Nơi ĐKKHKT: Ấp X, xã TPT, huyện T, tỉnh Long An; Nơi ở hiện nay: Số Y, ấp NT, xã N, huyện T, tỉnh Long An (có đơn xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Cốp D, sinh năm 1985; Nơi ĐKKHKT: Khu vực Z, thị trấn H, huyện ĐH, tỉnh Long An; Địa chỉ tạm trú: Số M, Ấp X, xã TPT, huyện T, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/01/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L trình bày yêu cầu khởi kiện như sau:

Năm 2009, bà và ông Cốp D tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn ngày 07/4/2009 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Hiệp Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2020 thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, ông Cốp D thay đổi tính tình dẫn đến vợ chồng chung sống không còn hòa hợp nữa. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên thường xuyên cãi nhau, ông Cốp D nhiều lần say xỉn đã đánh bà, quan hệ hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng. Mâu thuẫn giữa vợ chồng kéo dài khoảng 02 năm, đến tháng 02/2022, bà không thể chung sống với ông Cốp D được nữa nên đã về nhà cha ruột tại số 183A, ấp Nhựt Tân, xã Nhựt Ninh sinh sống cho đến nay, vợ chồng đã không còn chung sống với nhau hơn 01 năm. Vì nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được nữa, tình cảm vợ chồng đã không còn nên bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Cốp D.

Về con chung: Bà và ông Cốp D có 02 con chung tên W sinh ngày 28/9/2009 và K sinh ngày 28/01/2016, hiện cả hai con đều đang sống với bà, do bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu ông Cốp D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà và ông Cốp D không tạo lập được tài sản chung nào và cũng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản chung và nợ chung.

Bị đơn ông Cốp D vắng mặt từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến phiên tòa hôm nay, không có ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cũng không có yêu cầu gì khác.

Vụ án đã được Tòa án tiến hành công khai chứng cứ và không tiến hành hòa giải được do nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L có đơn xin vắng mặt; bị đơn ông Cốp D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Ngọc L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Cốp D và yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung. Bị đơn ông Cốp D hiện đang tạm trú tại Ấp X, xã TPT, huyện T, tỉnh Long An theo Kết quả xác minh ngày 16/01/2023 của Công an xã TPT, huyện T, tỉnh Long An. Như vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là ly hôn và tranh chấp nuôi con

thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nguyên đơn có đơn ngày 10/3/2023 đề nghị Tòa án không hòa giải vụ án nên vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L có đơn xin vắng mặt, bị đơn ông Cốp D đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự trong vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về chứng cứ: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không nộp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng: Bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Cốp D tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 20, quyền số 01/2009, ngày 07/4/2009 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Hiệp Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An cho nên quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông Cốp D được xác định là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Bà L trình bày mâu thuẫn vợ chồng đã không thể hàn gắn được nữa, vợ chồng đã không còn tình cảm với nhau nên yêu cầu được ly hôn với ông Cốp D. Ông Cốp D từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về yêu cầu khởi kiện của bà L nhưng ông Cốp D đều vắng mặt và không thể hiện ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà L. Như vậy chứng tỏ ông Cốp D cũng không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân với bà L. Vì vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L và ông Cốp D là có phát sinh trên thực tế, vợ chồng đã không còn chung sống với nhau, không còn quan tâm đến nhau nên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Ngọc L có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Cốp D có 02 con chung tên W sinh ngày 28/9/2009 và K sinh ngày 28/01/2016 hiện đang sống với bà L, do bà L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Khi ly hôn, bà L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu ông Cốp D cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hai con sống với bà L cho đến nay vẫn phát triển bình thường và ông Cốp D

cũng không có ý kiến phản đối với yêu cầu được trực tiếp nuôi con của bà L; đồng thời, cả hai cháu cũng đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định giao cả 02 con chung tên W sinh ngày 28/9/2009 và K sinh ngày 28/01/2016 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo không làm thay đổi môi trường sống của con chung gây ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường về tâm sinh lý của con. Ông Cốp D có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở theo quy định tại Điều 81 và 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Bà L không yêu cầu ông Cốp D cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét về cấp dưỡng nuôi con. Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L trình bày trong quá trình chung sống bà và ông Cốp D không tạo lập được tài sản chung và cũng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản chung và nợ chung. Vì bị đơn vắng mặt, không có ý kiến trình bày hay yêu cầu gì về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp các đương sự có tranh chấp thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

[7] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà L đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006399 ngày 20/02/2023 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Trụ tỉnh Long An, bà L đã thi hành xong án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 4 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 238, khoản 1 Điều 96, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 9, Điều 19, khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc L về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con” đối với ông Cốp D.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc L được ly hôn với ông Cốp D.

Về nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc L được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên W sinh ngày 28/9/2009 và K sinh ngày 28/01/2016, ông Cốp D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó theo quy định của pháp luật.

Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà L đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006399 ngày 20/02/2023 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Trụ tỉnh Long An, bà L đã thi hành xong án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Trụ;
- CCTHADS huyện Tân Trụ;
- Nơi đăng ký kết hôn
(Đề ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Hoàng Dung